TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 06- 7- 2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Truyền.

Ông Võ Tùng Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 3 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Chí H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều T kết hôn trên cơ sở mai mối, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 02 tháng 3 năm 2015. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh nghe dư luận bên ngoài nói chị T có quan hệ tình cảm với người khác, chị T thường hay vắng nhà không rõ lý do, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Đến năm 2016 thì sống ly thân, thời gian ly thân có hàn gắn

nhưng không đạt kết quả. Nay anh xin ly hôn với chị T. Về con chung không có. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không vó lời trình bày hay ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Chí H và chị Nguyễn Thị Kiều T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 02 tháng 3 năm 2015. Trong thời gian chung sống anh H cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên ngày 31 tháng 3 năm 2017 anh H làm đơn xin ly hôn với chị T. Căn cứ vào yêu cầu của anh H, nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đối với vụ án này là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, căn cứ xác nhận ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Công an xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều T cư trú tại xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với chị Nguyễn Thị Kiều T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Nguyễn Chí H và chị Nguyễn Thị Kiều T kết hôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân anh H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh nghe dư luận nói chị T có quan hệ tình cảm với người khác, chị T thường hay vắng nhà không rõ lý do, vợ chồng thường hay cự cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Xét thấy hôn nhân của anh H, chị T chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, anh chị không đồng lòng tìm ra giải pháp khắc phục mà ngược lại để cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt, dẫn đến sống ly thân. Thời gian ly thân anh chị cũng không có thiện chí tìm ra giải pháp để hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị T đến Tòa án để tham gia hòa giải cùng anh H, tạo điều kiện cho anh chị gặp gỡ, giải quyết những mâu thuẫn tình cảm để đoàn tụ nhưng chị T vắng mặt, điều đó chứng tỏ chị cũng không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, có ý thức bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó có

căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho anh H được ly hôn với chị T là phù hợp.

Về nuôi con chung: Anh H trình bày không có con chung. Đối với chị T trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến gì về việc chị và anh H có con chung không nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định giữa chị T và anh H có con chung hay không nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày giữa anh và chị T không có nợ chung, chị T cũng không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết gì đối với các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định anh chị nợ chung hay không, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung, nếu sau này những người có quyền, lợi ích liên quan có tranh chấp có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Anh Nguyễn Chí H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Chí H.

Anh Nguyễn Chí H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều T.

[2] Về nuôi con chung:

Không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc anh Nguyễn Chí H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số xxxxxxx (theo yêu cầu thu số 176 ngày 31

tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số 11, quyển số 01, ngày 02/3/2015) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: HS, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện